| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 226/2019/DS-PT
Ngày: 27-3-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa :* Bà Lê Thị Thương Huyền

*Các Thẩm phán*: Ông Trần Quang Phúc

Bà Lê Thu Thủy

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 526/2018/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 429/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 983/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn*: Bà Lâm Thị Thu T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.
Nơi ở hiện tại: Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm: 1984, địa chỉ: Phường B, Quận H, Kim Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện Kim Theo ủy

quyền của bị đơn (Kim Theo Văn bản ủy quyền số công chứng 000001660 ngày 26/02/2019 tại Văn phòng Công chứng Kim Thủ Đức)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn L – Luật sư Văn phòng Luật sư LL Thuộc Đoàn Luật sư Kim Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 252 Lương Định Của, phường A, Quận H, Kim Thành phố Hồ Chí Minh.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn A T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Phường A, Quận H, Kim Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện tại: Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

*4. Người kháng cáo:* Bà Lâm Thị Thu T - Bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tiến T trình bày: Ngày 17/9/2015 ông cho bà Lâm Thị Thu T vay số tiền 84.000.000 đồng (Tám mươi bốn triệu đồng), thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 03%/tháng. Bà T và ông cùng ký hợp đồng vay, ông đã giao tiền cho bà T nhưng đến nay bà T chưa trả tiền cho ông, do vậy ông yêu cầu bà Lâm Thị Thu T cùng chồng là ông Nguyễn A T trả ngay một lần cho ông số tiền nợ gốc là 84.000.000 (Tám mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi 10%/năm từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà Lâm Thị Thu T trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm: Năm 2015 bà có vay của ông Nguyễn Tiến T tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), lãi suất 20%/tháng. Bà đã trả ông T tiền lãi đến tháng 4/2018, sau đó bà ngừng không trả nữa nên ông T đi kiện bà. Bà không vay của ông T số tiền 84.000.000 đồng (Tám mươi bốn triệu đồng) như ông T khởi kiện. Do quá tin ông T và kém hiểu biết nên bà đã ký tên trong hợp đồng vay ngày 17/9/2015. Bà đồng ý trả dần ông T số tiền 50.000.000 đồng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bà T thừa nhận chữ viết và ký tên trong Hợp đồng cho vay tiền ngày 17/9/2015 là đúng chữ ký và chữ viết của bà T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận H đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến T: Buộc bà Lâm Thị Thu T và chồng là ông Nguyễn A T trả số tiền 84.000.000 đồng (Tám mươi bốn triệu đồng) và lãi suất cho đến ngày xét xử ông T yêu cầu là 10%/ năm, số tiền lãi là 25.200.000 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng cộng cả vốn và lãi là 109.200.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu hai trăm nghìn đồng), thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hủy "Hợp đồng cho vay tiền" lập ngày 17/9/2015 giữa ông Nguyễn Tiến T và bà Lâm Thị Thu T.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo quy định thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 5.460.000 đồng (Năm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), bà T và ông A T liên đới chịu, bà T và ông A T chưa nộp tiền án phí. Ông T không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 4.116.000 đồng (Bốn triệu một trăm mười sáu nghìn đồng) cho ông T theo Biên lai thu số AA/2017/0015287 do Chi cục thi hành án dân sự Quận H lập ngày 20/6/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của đương sự.

Ngày 27/9/2018, bị đơn bà Lâm Thị Thu T kháng cáo toàn bộ Bản án số 69/2018/DS-ST ngày 17/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận HQuận H, Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bác yêu cầu của ông Nguyễn Tiến T. Sau khi kháng cáo và trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà Lâm Thị Thu T cung cấp cho Tòa án giấy nộp tiền tại các Ngân hàng bà T đã chuyển tiền cho ông T với tổng số tiền 100.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Tiến T thừa nhận có nhận những khoản tiền do bà T chuyển cho ông nhưng đó là những khoản tiền thanh toán cho hợp đồng khác. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm ông Nguyễn Tiến T đã đưa ra nhiều hợp đồng vay tiền khác nhau được ký kết giữa bà Lâm Thị Thu T và ông Nguyễn Tiến T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: bà Lâm Thị Thu T có vay của ông Nguyễn Tiến T 50.000.000 đồng, lãi suất 20%/tháng, số tiền bà T đã trả cho ông T nhiều lần tổng cộng tới hơn 100 triệu đồng. Những hợp đồng và biên nhận vay tiền mà ông T cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm cũng đều bắt nguồn từ việc bà T vay của ông T 50 triệu đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của ông Nguyễn Tiến T.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự,

thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Ông Nguyễn Tiến T yêu cầu bà Lâm Thị Thu T trả tiền nợ gốc là có căn cứ. Mức lãi suất ông T yêu cầu là 10%/năm từ thời điểm vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm là không phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, vì vậy cần sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất. Buộc bà Lâm Thị Thu T và ông Nguyễn A T phải trả cho ông Nguyễn Tiến T số tiền lãi từ khi vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 22.747.200 đồng. Tổng cộng số tiền bà T, ôngA T phải trả cho ông T là 106.747.200 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Ngày 27/9/2018 bà Lâm Thị Thu T kháng cáo, đơn của bà T kháng cáo trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ. Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bà Lâm Thị Thu T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim Th tham gia tố tụng và mời luật sư Lê Văn L bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.Thủ tục ủy quyền và mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T được thực hiện đúng theo quy định của Điều 85 và Điều 75 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận. Ông Nguyễn A T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ôngA T theo quy định tại Khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Lâm Thị Thu T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho bà T theo đúng thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bà T không được tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ để tiếp cận chứng cứ nên bà không nắm được quyền của mình nên hoàn toàn bị động trong việc đưa ra lời khai và chuẩn bị chứng cứ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tiến T đối với bà Lâm Thị Thu T, bà T vắng mặt tại nơi ở nên Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng theo quy định tại chương X Bộ luật tố tụng dân sự. Trong hồ sơ vụ án có lưu giữ Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải được lập cùng ngày 29/8/2018 đều có chữ ký của nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng nên xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thủ tục giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về ý kiến của bà Lâm Thị Thu T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày: bà T chỉ vay ông T số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất

20%/tháng và đã trả tiền cho ông T nhận tại Ngân hàng TMCP Á Châu Bình Dương, Ngân hàng SeaBank Bình Dương. Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa sơ thẩm và trong giai đoạn  xét xử phúc thẩm, ông T đều công nhận ông có nhận tiền của bà T qua tài khoản tại các Ngân hàng trên nhưng số tiền đó là khoản tiền bà T trả nợ cho ông T ở các khoản vay hợp đồng miệng và hợp đồng bằng văn bản khác, do bà T đã trả nợ xong nên ông đã hủy những hợp đồng này. Ngoài ra, ông T còn cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm nhiều hợp đồng vay tiền giữa ông và bà T, hơn nữa khi gửi tiền trả cho ông T qua các Ngân hàng trên bà T không ghi nội dung bà chuyển tiền thanh toán cho hợp đồng nào nên không có căn cứ chấp nhận số tiền bà T chuyển tiền trả nợ cho ông T theo hợp đồng vay 84.000.000 đồng mà hai bên đã ký ngày 17/9/2015. Đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T không yêu cầu xem xét những hợp đồng do ông T xuất trình tại cấp phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thị Thu T. Hội đồng xét xử căn cứ nội dung Hợp đồng vay tiền ngày 17/9/2015 do ông T khởi kiện để xác định quyền và nghĩa vụ của ông T, bà T là các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[4] Xét Hợp đồng cho vay tiền ngày 17/9/2015 thể hiện số tiền bà T vay ông T là 84.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng. Bà T là người vi phạm nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng nên buộc bà T phải trả nợ số tiền đã vay theo quy định tại Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Lãi suất trong hợp đồng được các bên thỏa thuận lãi trong hạn là 3%/tháng và lãi phạt chậm trả là 0,5%/ngày. Tuy nhiên đến nay các đương sự có tranh chấp nên căn cứ Khoản 5 Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 4 Nghị Quyết số 01/2019/HĐ-TP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao buộc bà T phải chịu lãi suất trong hạn bằng 150% lãi cơ bản, lãi suất quá hạn bằng lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố. Tại Điều 1 Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam quy định là 9%/năm. Ông T yêu cầu lãi suất 10%/năm nên chấp nhận lãi suất 10%/năm đối với thời gian vay trong hạn (từ ngày 17/9/2015 đến ngày 17/10/2015), bà T phải chịu lãi suất quá hạn bằng lãi suất cơ bản là 9%/năm tương ứng với thời gian chậm trả đến ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 17/10/2015 đến ngày 17/9/2018) do vậy cần sửa Bản án số 69/2018/DSST ngày 17/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận H về phần lãi suất theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm.

[5]Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm ông Nguyễn A T không đến Tòa án theo giấy triệu tập, tại đơn xin vắng mặt gửi Tòa án nhân dân Quận 2 ông Nguyễn A T xin vắng mặt với lý do bận lái xe và

không liên quan đến sự việc nhưng ông không đưa ra căn cứ chứng minh cho lời trình bày của mình; bà Lâm Thị Thu T khai nhận bà vay tiền của ông Nguyễn Tiến T để trả Ngân hàng số tiền vay để mua xe kinh doanh trong gia đình vì vậy ông A T phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do bà T thực hiện.

[6] Về án phí: Bà Lâm Thị Thu T và ông Nguyễn A T phải chịu án phí là 5% số tiền phải trả cho ông Nguyễn Tiến T. Ông Nguyễn Tiến T phải chịu án phí đối với số tiền lãi không được chấp nhận. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DSST ngày 17/9/2018 bị sửa liên quan đến phần kháng cáo của bà Lâm Thị Thu T nên bà Lâm Thị Thu T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào:*

*Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*Khoản1, Khoản 5 Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;*

*Khoản 2 Điều 4 Nghị Quyết số 01/2019/HĐ-TP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;*

*Khoản 4 Điều 26, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,*

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DSST ngày 17/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận H.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Tiến T. Buộc bà Lâm Thị Thu T và chồng là ông Nguyễn A T trả ông Nguyễn Tiến T số tiền 84.000.000 đồng (Tám mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 17/9/2018 với số tiền 22.747.000 đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng). Tổng cộng 106.747.000 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lâm Thị Thu T và ông Nguyễn A T phải nộp số tiền 5.337.000 đồng (Năm triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Ông Nguyễn Tiến T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 4.116.000 đồng (Bốn triệu một trăm mười sáu nghìn đồng) ông T nộp theo Biên lai thu số

AA/2017/0015287 ngày 20/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận H. Trả lại cho ông T  số tiền 3.816.000 đồng (Ba triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Lâm Thị Thu T số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0015642 ngày 27/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận H.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận H;
- Tòa án nhân dân Quận H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thương Huyền**